

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Hùng

Chủ tịch

Độc lập

Phó Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính này và đảm bảo tính trung thực, khách quan, đầy đủ và chính xác của các số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính này theo đúng các quy định pháp luật có liên quan và trình bày báo cáo tài chính này một cách trung thực, khách quan, đầy đủ và chính xác.

Chúng tôi đã đọc báo cáo tài chính này và các tài liệu kèm theo để phân tích và đánh giá các số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính này. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán độc lập các số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính này theo đúng các quy định pháp luật có liên quan. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán độc lập và các thủ tục khác để đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và các bên liên quan.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch
Ông Hoàng Biên Cương	Ủy viên
Ông Ngô Bá Mận	Ủy viên
Ông Vũ Duy Hậu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Duy Hậu	Giám đốc
Ông Hoàng Biên Cương	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch
Ông Hoàng Biên Cương	Ủy viên
Ông Ngô Bá Mận	Ủy viên
Ông Vũ Duy Hậu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Duy Hậu	Giám đốc
Ông Hoàng Biên Cương	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8



Vũ Duy Hậu
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017



Số: 123 -17/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21/02/2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Lê Thị Hương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2013-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.628.520.556	76.700.331.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11.770.453.307	14.627.503.096
1 Tiền	111		10.970.453.307	14.627.503.096
2 Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.584.519.752	50.862.735.938
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	32.619.872.464	30.367.692.392
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	89.886.930	33.000.000
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	16.874.760.358	20.462.043.546
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	32.273.547.497	11.210.092.955
1 Hàng tồn kho	141		32.273.547.497	11.210.092.955
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.452.588.595	13.021.375.366
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.000.000	1.000.000.000
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1.000.000.000	1.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.756.851.753	1.965.925.436
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.756.851.753	1.965.925.436
- Nguyên giá	222		3.581.538.825	3.537.786.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.824.687.072)	(1.571.860.752)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	600.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	600.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.695.736.842	9.455.449.930
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	8.695.736.842	9.455.449.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		105.081.109.151	89.721.707.355

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		79.305.871.931	64.058.904.432
I. Nợ ngắn hạn	310		76.541.526.216	60.931.712.357
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	258.954.345	308.965.345
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	10.435.162.366	9.714.168.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	537.601.473	613.616.801
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	61.306.971.037	49.862.333.989
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	3.465.000.000	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		537.836.995	432.628.222
II. Nợ dài hạn	330		2.764.345.715	3.127.192.075
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	1.646.185.715	2.009.032.075
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.13	1.118.160.000	1.118.160.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.775.237.220	25.662.802.923
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	25.775.237.220	25.662.802.923
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		1.937.223.600	1.937.223.600
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		921.520.000	921.520.000
5 Cổ phiếu quỹ	415		(921.520.000)	(921.520.000)
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.924.531.326	2.844.592.144
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.345.482.294	1.312.987.179
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		367.429.224	313.747.406
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		978.053.070	999.239.773
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		105.081.109.151	89.721.707.355

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Việt Hoa

Nguyễn Thị Thu Hoài

Vũ Duy Hậu

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125.161.471.532	100.216.576.597
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		125.161.471.532	100.216.576.597
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	121.157.551.961	96.233.210.424
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		4.003.919.571	3.983.366.173
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	343.496.538	240.087.393
7 Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.846.119.664	2.631.368.905
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.501.296.445	1.592.084.661
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32	VI.4	222.984.086	242.586.262
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(222.984.086)	(242.586.262)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		1.278.312.359	1.349.498.399
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	300.259.289	350.258.626
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		978.053.070	999.239.773
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	550,86	562,79

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Vũ Duy Hậu

Nguyễn Thị Việt Hoa

Nguyễn Thị Thu Hoài

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		130.233.904.764	122.398.247.753
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(386.274.332)	(1.789.697.594)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.788.748.239)	(1.692.918.753)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(256.874.230)	(696.175.106)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.437.208.413	20.661.611.915
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(158.311.431.715)	(134.635.558.538)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.072.215.339)	4.245.509.677
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(43.752.637)	(989.916.364)
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		600.000.000	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		343.496.538	61.073.695
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		899.743.901	(928.842.669)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.465.000.000	200.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.300.550.000)
5	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.149.578.351)	(12.628.008)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.315.421.649	(1.113.178.008)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(2.857.049.789)	2.203.489.000
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.627.503.096	12.424.014.096
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61			-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	11.770.453.307	14.627.503.096

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Hoa



Nguyễn Thị Thu Hoài



Vũ Duy Hậu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện rút tiền góp vốn vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc thiết bị	06 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 08

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

Khoản hợp tác kinh doanh của Công ty là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt, theo đó 2 bên sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cửa nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm, và được gia hạn đến ngày 31/03/2016 theo phục lục hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2015. Sau mỗi một năm, kể từ ngày chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty sẽ được thanh toán số lãi tương ứng với lãi suất 18%/năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định, lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác

Lợi thế kinh doanh là giá trị thương hiệu Constrexim có thời gian phân bổ trong vòng 10 năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định được ghi nhận căn cứ vào số tiền trả trước trong nhiều kỳ kế toán và hợp đồng thuê tài sản, được phân bổ trong vòng 25 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty với công ty liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Công ty không có các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước tiền thuê nhà, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả trong nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số tiền cho thuê từng tháng được quy định trong hợp đồng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 102 NQ-2016/CX8-ĐHĐCĐ ngày 21/05/2016.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện, tiền nước và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được công ty ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh phù hợp với tỷ lệ giao khoán trong hợp đồng giao khoán của từng công trình cho các đội thi công.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****14.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 10% đối với hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện và 5% đối với hoạt động thu tiền nước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	10.970.453.307	14.627.503.096
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>5.639.909</i>	<i>7.598.208</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>10.964.813.398</i>	<i>14.619.904.888</i>
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	197.223.642	291.973.488
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	27.363.383	29.407.123
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	10.728.315.111	14.290.342.869
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	960.681	1.180.681
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long	10.950.581	7.000.727
Các khoản tương đương tiền	800.000.000	-
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng (*)	800.000.000	-
Cộng	11.770.453.307	14.627.503.096

(*) Là khoản tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2	-	-	-	600.000.000
Cộng	-	-	-	600.000.000

Trong năm, Công ty đã thực hiện rút tiền góp vốn vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2.

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được Công ty xác định bằng giá gốc của khoản đầu tư trừ đi dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Ban Quản lý dự án Long Biên	475.666.000	-	475.666.000	-
Ban Quản lý dự án quận Hoàng Mai	1.371.616.850	-	6.279.753.215	-
Ban Quản lý dự án quận Thanh Xuân	8.724.848.035	-	-	-
Ban Quản lý dự án thị xã Phúc Yên	3.390.370.810	-	3.390.370.810	-
Ban Quản lý huyện Sóc Sơn	1.250.020.000	-	-	-
Ban Quản lý dự án vườn hoa quảng trường thị xã Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1.529.910.000	-	1.529.910.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Trung Việt	539.635.193	-	1.930.249.193	-
Phòng kinh tế Quận Hoàng Mai	3.590.590.000	-	2.026.080.000	-
Sư đoàn 367/Quân chủng phòng không - không quân	804.455.000	-	2.579.446.000	-
Tổng Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	6.956.562.966	-	7.117.427.256	-
Trại giam Thanh Xuân - Cục V 26	566.149.947	-	566.149.947	-
Trường Đại học Sư phạm KT Hưng Yên	-	-	681.010.079	-
Trường Đại học Tây Bắc	1.490.759.480	-	1.490.759.480	-
UBND Phường Tiên An - Bắc Ninh	1.247.080.000	-	739.916.000	-
Các đối tượng khác	682.208.183	-	1.560.954.412	-
Cộng	32.619.872.464	-	30.367.692.392	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	77.000.000	33.000.000
Công ty CP Xây lắp điện 1	12.886.930	-
Cộng	89.886.930	33.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	16.874.760.358	-	20.462.043.546	-
<i>Phải thu khác</i>	16.857.800.358	-	20.445.083.546	-
Ban Quản lý nhà C7 Thanh Xuân	3.575.808.632	-	2.909.618.824	-
Đội Quản lý cơ giới và Hạ tầng - Constrexim 8	-	-	1.504.344.977	-
Đội xây lắp tổng hợp số 3	2.995.282.363	-	2.905.768.938	-
Đội Xây lắp tổng hợp số 4 - Chi nhánh 8.2	5.340.629.569	-	4.701.531.496	-
Xí nghiệp xây lắp số 8	-	-	2.295.985.168	-
Xí nghiệp xây lắp tổng hợp số 6	1.589.248.467	-	1.548.248.467	-
Các đối tượng khác	3.356.831.327	-	4.579.585.676	-
<i>Tạm ứng</i>	16.960.000	-	16.960.000	-
Phí Thành Tuyến	6.000.000	-	6.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Huyền	4.080.000	-	4.080.000	-
Nguyễn Hà Phương	3.880.000	-	3.880.000	-
Trần Thị Hải Ninh	3.000.000	-	3.000.000	-
b) Dài hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP An Đạt (*)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	17.874.760.358	-	21.462.043.546	-

(*): Là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt, theo đó 2 bên sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cửa nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm, và được gia hạn đến ngày 31/03/2017 theo phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 16/PLHĐHTKD ngày 30/03/2016. Sau mỗi một năm, kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty sẽ được thanh toán số lãi tương ứng với lãi suất 18%/năm.

c) *Phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	32.273.547.497	-	11.210.092.955	-
Cộng	32.273.547.497	-	11.210.092.955	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)**(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là chi phí dở dang của các công trình Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao quận Hoàng Mai, công trình Trụ sở Bảo lao động...***7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2016	1.418.827.242	581.048.908	1.537.910.038	3.537.786.188	
Mua trong năm	-	43.752.637	-	43.752.637	
Số dư ngày 31/12/2016	1.418.827.242	624.801.545	1.537.910.038	3.581.538.825	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2016	471.242.563	470.131.486	630.486.703	1.571.860.752	
Khấu hao trong năm	56.753.090	54.656.606	141.416.624	252.826.320	
Số dư ngày 31/12/2016	527.995.653	524.788.092	771.903.327	1.824.687.072	
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	947.584.679	110.917.422	907.423.335	1.965.925.436	
Tại ngày 31/12/2016	890.831.589	100.013.453	766.006.711	1.756.851.753	

*- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2016: 1.968.958.946 VND.***8. Chi phí trả trước**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
<i>Dài hạn</i>	8.695.736.842		9.455.449.930	
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	5.532.446.987		5.878.224.924	
Lợi thế kinh doanh chờ phân bổ	733.800.000		831.640.000	
Chi phí sửa chữa TSCĐ và chi phí khác	2.429.489.855		2.740.108.116	
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dụng chờ phân bổ	-		5.476.890	
Cộng	8.695.736.842		9.455.449.930	

9. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>	258.954.345		308.965.345	
Công ty CP Đầu tư & Xây lập Constrexim số 8.2	258.954.345	258.954.345	308.965.345	308.965.345
Cộng	258.954.345	258.954.345	308.965.345	308.965.345

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 (Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn				
Vay cá nhân (*)	3.465.000.000	3.465.000.000	3.465.000.000	-
Nguyễn Thị Huệ	3.465.000.000	3.465.000.000	3.465.000.000	-
Cộng	3.465.000.000	3.465.000.000	3.465.000.000	-

(*) Khoản vay của bà Nguyễn Thị Huệ theo các hợp đồng tín dụng từ số 01/HĐ-TD ngày 12/12/2016, hợp đồng tín dụng số 02/HĐ-TD ngày 16/12/2016, hợp đồng tín dụng số 03/HĐ-TD ngày 28/12/2016, hợp đồng tín dụng số 04/HĐ-TD ngày 28/12/2016 và hợp đồng tín dụng số 05/HĐ-TD ngày 30/12/2016, thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất 0%, tài sản đảm bảo là toàn bộ nguồn thu, tài sản cố định và lưu động của Công ty, mục đích vay để phục vụ thi công công trình.

1028
 G T
 M H
 VÀ D
 NA
 - T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>	1.981.123.200	-
Ban Bồi thường GPMB Huyện Sóc Sơn	-	3.645.811.000
Ban Quản lý huyện Sóc Sơn	1.743.685.000	-
Báo Lao động	-	1.235.564.000
Công ty Cổ phần 16 - CIENCO1	5.055.630.166	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Hoàng Cường	1.583.724.000	4.751.213.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý duy tu hạ tầng Quận Hoàng Mai	71.000.000	81.580.000
Các đối tượng khác	-	-
Cộng	10.435.162.366	9.714.168.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016 Đơn vị tính: VND
<i>Phải nộp</i>				-
Thuế GTGT đầu ra	527.231.560	1.426.785.268	1.753.335.260	200.681.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.048.149	390.197.689	256.874.230	219.371.608
Các loại thuế khác	38.453	2.724.952	2.559.549	203.856
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	298.639	120.344.441	3.298.639	117.344.441
Cộng	613.616.801	1.940.052.350	2.016.067.678	537.601.473

13. Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	61.306.971.037	49.862.333.989
Kinh phí công đoàn	623.231.015	676.888.086
Phải trả, phải nộp khác	59.154.658.272	48.476.276.010
Các loại thuế TNCN, cổ tức phải trả	830.469.770	1.279.796.826
Công ty CP Công nghệ bể bơi	2.439.127.350	-
Công ty CP Đầu tư thương mại và Sản xuất Việt Nội Thất	2.097.952.500	-
Đội Quản lý cơ giới và hạ tầng - Constrexim 8 (*)	16.259.216.661	25.644.747.924
Đội Xây lắp tổng hợp số 1 (*)	3.555.746.187	3.631.333.505
Đội Xây lắp tổng hợp số 8 - Constrexim 8 (*)	1.970.419.556	2.070.430.556
Đội Xây lắp tổng hợp số 5 - CN8.2 (*)	320.293.692	620.499.886
Xí nghiệp xây lắp số 1 (*)	71.637.878	190.301.668
Xí nghiệp xây lắp số 2 (*)	294.525.672	605.390.387
Xí nghiệp xây lắp số 4 (*)	412.997.878	412.997.878



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

<i>Xí nghiệp xây lắp số 8 (*)</i>	2.422.247.945	1.563.165.200
<i>Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 9 (*)</i>	27.386.631.227	10.650.299.952
<i>Các đối tượng khác</i>	1.093.391.956	1.807.312.228
<i>Dư có phải thu khác</i>	1.529.081.750	709.169.893
b) Dài hạn	1.118.160.000	1.118.160.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.118.160.000	1.118.160.000
<i>Công ty Liên doanh TNHH KFC Việt Nam</i>	877.160.000	877.160.000
<i>Công ty CP Bê tông VIDIFI</i>	30.000.000	30.000.000
<i>Trần Văn Bao</i>	153.000.000	153.000.000
<i>Công ty TNHH Trang trí BAC</i>	20.000.000	20.000.000
<i>Công ty CP Y tế Quang Minh</i>	20.000.000	20.000.000
<i>Công ty CP 121 Biz Quốc Tế</i>	18.000.000	18.000.000
Cộng	62.425.131.037	50.980.493.989

(*) Là các khoản công nợ đã khoán kinh doanh cho các đội thuộc Công ty.

14. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dài hạn		
Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng	1.646.185.715	2.009.032.075
Cộng	1.646.185.715	2.009.032.075



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2015	19.568.000.000	1.937.223.600	921.520.000	(921.520.000)	1.493.506.380	22.998.729.980	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	999.239.773	999.239.773	
Tăng khác (*)	-	-	-	-	87.148.800	87.148.800	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(261.284.879)	(261.284.879)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(905.505.000)	(905.505.000)	
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(100.117.895)	(100.117.895)	
Số dư ngày 31/12/2015	19.568.000.000	1.937.223.600	921.520.000	(921.520.000)	1.312.987.179	22.818.210.779	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	978.053.070	978.053.070	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(199.847.955)	(199.847.955)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(745.710.000)	(745.710.000)	
Số dư ngày 31/12/2016	19.568.000.000	1.937.223.600	921.520.000	(921.520.000)	1.345.482.294	22.850.705.894	

(*) Tăng lợi nhuận chưa phân phối từ việc giảm cổ tức phải trả, do năm 2011 đã hạch toán phải trả cổ tức cho cả 181.300 cổ phiếu quỹ.

(**) Giảm khác theo quyết định thanh tra thuế năm 2014.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	19.568.000.000	19.568.000.000
Cộng	19.568.000.000	19.568.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.568.000.000	19.568.000.000
Vốn góp đầu năm	19.568.000.000	19.568.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	19.568.000.000	19.568.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	745.710.000	905.505.000

15.4 Cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	1.956.800	1.956.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu phổ thông	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	181.300	181.300
- Cổ phiếu phổ thông	181.300	181.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

15.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
 Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

15.6 Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	2.844.592.144	79.939.182	-	2.924.531.326
Cộng	2.844.592.144	79.939.182	-	2.924.531.326

Đơn vị tính: VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp	121.199.831.559	96.582.927.524
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.961.639.973	3.633.649.073
Cộng	125.161.471.532	100.216.576.597

b) Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Giá vốn bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	118.753.749.087	93.494.911.898
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.403.802.874	2.738.298.526
Cộng	121.157.551.961	96.233.210.424

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	163.496.538	29.908.493
Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi góp vốn	180.000.000	198.240.000
Doanh thu tài chính khác	-	11.938.900
Cộng	343.496.538	240.087.393

4. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Phân bổ chi phí thương hiệu	97.840.000	97.840.000
Chi phí từ phạt vi phạm lĩnh vực thuế	125.142.841	144.746.262
Chi phí khác	1.245	-
Cộng	222.984.086	242.586.262

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	2.064.629.913	1.961.347.529
Chi phí nhân viên quản lý	148.448.004	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	175.998.352	229.516.009
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.000.000	10.646.218
Thuế, phí, lệ phí	70.000.000	356.928.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.043.395	72.930.738
Chi phí bằng tiền khác		
Cộng	2.846.119.664	2.631.368.905

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	74.681.235.122	53.311.259.945
Chi phí nhân công	19.430.249.063	21.566.868.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	252.826.320	229.516.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.269.041.369	14.160.589.139
Chi phí khác bằng tiền	3.349.140.372	10.677.467.502
Cộng	144.982.492.246	99.945.701.305

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	125.504.968.070	100.456.663.990
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	125.504.968.070	100.456.663.990
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	124.226.655.711	99.107.165.591
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	124.003.671.625	98.864.579.327
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	222.984.086	242.586.264
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	124.003.671.625	98.864.579.327
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.501.296.445	1.592.084.663
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	300.259.289	350.258.626

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	978.053.070	999.239.773
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp
 Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi
 nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
 + Các khoản điều chỉnh tăng

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	978.053.070	999.239.773
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.775.500	1.775.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	550,86	562,79

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
Cổ tức, lợi nhuận được chia thu thông qua công nợ	-	179.013.698
2. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.465.000.000	-

VIII Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng & Thương mại Việt Nam
Công ty CP An Đạt

Mối quan hệ

Cổ đông
Bên hợp tác kinh doanh

***) Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	1.139.272.273
Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam	-	1.139.272.273
Doanh thu tài chính	180.000.000	180.000.000
Công ty CP An Đạt	180.000.000	180.000.000

***) Số dư các bên liên quan**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng	7.090.699.952	7.251.564.242
Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam	6.956.562.966	7.117.427.256
Công ty CP An Đạt	134.136.986	134.136.986



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải thu dài hạn khác	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP An Đạt	1.000.000.000	1.000.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	562.840.500	505.800.020
Cộng	562.840.500	505.800.020

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Công nợ tài chính

	31/12/2016
	VND
Các khoản vay	3.465.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	11.770.453.307
Nợ thuần	(8.305.453.307)
Vốn chủ sở hữu	25.775.237.220
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.I.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.770.453.307	14.627.503.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.494.632.822	51.829.735.938
Tổng cộng	62.265.086.129	66.457.239.034
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.465.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	62.684.085.382	51.289.459.334
Tổng cộng	66.149.085.382	51.289.459.334

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà có cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	61.565.925.382	1.118.160.000	62.684.085.382
Các khoản vay	3.465.000.000	-	3.465.000.000



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	50.171.299.334	1.118.160.000	51.289.459.334

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.770.453.307	-	11.770.453.307
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.494.632.822	1.000.000.000	50.494.632.822

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.627.503.096	-	14.627.503.096
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.829.735.938	1.000.000.000	51.829.735.938

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Nguyễn Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc



Vũ Duy Hậu

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP CONSTREXIM SỐ 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

